

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2020/DS-ST
Ngày 31-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Huỳnh Văn Năm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 525/2019/TLST- DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 340/2020/QĐST – DS ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Cẩm Nh, sinh năm 1988; cư trú tại ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; cư trú tại ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1980; cư trú tại ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Anh Trần Trí Ph; cư trú tại ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Anh Huỳnh Tuấn S, sinh năm 1987; cư trú tại ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Cẩm Nh và quá trình tố tụng tại Tòa án chị Nh trình bày: Vào ngày 11/11/2017, chị có cho chị Nguyễn Thị N mượn số tiền 30.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ.

Ngày 28/11/2017, chị N mượn thêm số tiền 32.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ.

Ngày 19/4/2018, chị N mượn 5,5 chỉ vàng 24k và số tiền 270.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ.

Ngày 26/6/2018, chị N mượn thêm 04 chỉ vàng 24k và số tiền 30.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ. Biên nhận này chị N ký và ghi tên Nguyễn Hồng D.

Tổng 04 lần chị N mượn là 362.000.000 đồng và 9,5 chỉ vàng 24k đều có biên nhận nhưng không quy định thời hạn trả, chị đã nhiều lần gặp chị N để đòi nợ nhưng chị N cố tình tránh né và không có thiện chí trả nợ cho chị nên chị yêu cầu chị N có trách nhiệm trả cho chị 362.000.000 đồng và 9,5 chỉ vàng 24k.

Ngoài ra, chị N còn nợ chị số tiền vay 160.000.000 đồng vào ngày 19/9/2017 nhưng do không đủ tiền nộp tạm ứng áp phí nên chị chưa yêu cầu, khi nào có đủ điều kiện thì chị sẽ tiếp tục khởi kiện chị N để yêu cầu số nợ này.

Đối với chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đồng thời thông báo cho chị N biết về các biên nhận do chị Nh cung cấp nhưng chị N vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

Ý kiến của chị Nguyễn Ngọc D: Chị xác định chị là chị ruột của chị Nguyễn Thị N, việc chị Nh và chị N giao dịch vay nợ với nhau chị không biết. Theo biên nhận ngày 26/6/2018 có ghi chữ Nguyễn Hồng D thực tế không phải là chữ ký và chữ viết của chị, theo chị biết biên nhận ngày 26/6/2018 là do chị Nguyễn Thị N viết và ký tên Nguyễn Hồng D. Chị xác định không có liên quan gì đến việc vay mượn nợ giữa chị N và chị Nh nên từ chối không tham gia giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

Đối với anh Huỳnh Tuấn S và anh Trần Trí P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Nguyễn Cẩm Nh được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Ngọc D có yêu cầu vắng mặt, chị Nguyễn Thị N, anh Huỳnh Tuấn Svà anh Trần Trí P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do; căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Ngọc D, chị Nguyễn Thị N, anh Huỳnh Tuấn Sơn và anh Trần Trí P.

[3] Căn cứ vào lời khai và tài liệu do nguyên đơn cung cấp thấy rằng giữa nguyên đơn chị Nguyễn Cẩm Nh và bị đơn chị Nguyễn Thị N có giao dịch vay nợ với nhau. Theo các biên nhận nợ thể hiện chị N mượn tiền và vàng của chị Nh nhưng không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi để giải quyết.

Hợp đồng do đôi bên thỏa thuận xác lập có nội dung và hình thức không trái với quy định của pháp luật nên được pháp luật bảo vệ và buộc các bên phải thực hiện. Căn cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện chị N có làm biên nhận xác định khoản nợ vay của chị Nhung, đồng thời Tòa án đã thông báo cho chị N biết về các biên nhận do nguyên đơn cung cấp nhưng phía bị đơn chị N vẫn không có ý kiến phản hồi điều đó cho thấy bị đơn mặc nhiên thừa nhận khoản nợ do nguyên đơn khởi kiện. Do đó, buộc chị Nguyễn Thị Nn trả cho chị Nguyễn Cẩm Nh 362.000.000 đồng và 9,5 chỉ vàng 24k là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

Các đương sự có quyền thương lượng, thỏa thuận về hình thức thanh toán tại giai đoạn thi hành án, trường hợp chị N chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên cho chị Nh thì chị N còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về khoản nợ chị Nh yêu cầu, chị Nh xác định giao dịch trực tiếp với chị N, còn đối với chị D và anh P không liên quan đến việc vay nợ trên nên không xem xét trách nhiệm thanh toán.

Về khoản nợ vay 160.000.000 đồng vào ngày 19/9/2017 do chưa khởi kiện nên không xem xét trong cùng vụ án, chị Nh và chị N có quyền thỏa thuận việc thanh toán nợ với nhau nếu không thỏa thuận được thì chị Nh có quyền khởi kiện chị N thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn: $(362.000.000 \text{ đồng} + 9,5 \text{ chỉ vàng } 24k (\text{giá vàng } 24k = 5.200.000 \text{ đồng/chỉ})) = 20.000.000 \text{ đồng} + (11.400.000 \text{ đồng} \times 4\%) = 20.456.000 \text{ đồng}$ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Phần tạm ứng án phí chị Nh dự nộp được nhận lại.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Cẩm Nh khởi kiện đối với chị Nguyễn Thị N đòi thanh toán nợ vay còn thiếu.

Buộc chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Cẩm Nh số tiền 362.000.000 đồng và 9,5 chỉ vàng 24k.

Kể từ khi chị Nguyễn Cẩm Nh có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Nguyễn Thị N chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng chị Nguyễn Thị N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về khoản nợ vay 160.000.000 đồng vào ngày 19/9/2017, chị Nh và chị N có quyền thỏa thuận việc thanh toán nợ với nhau nếu không thỏa thuận được thì chị Nh có quyền khởi kiện chị N thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị N phải chịu 20.456.000 đồng. Phần tạm ứng án phí chị Nh đã nộp 10.011.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002960 ngày 09/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, chị Nhung được nhận lại.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Hải